

KHU DI TÍCH CÁT TIÊN: TƯ LIỆU VÀ NHẬN THỨC MỚI

*Bùi Chí Hoàng**

I. KHÔNG GIAN ĐỊA LÝ

Di tích Cát Tiên nằm trong một bồn địa (basin), rộng hàng trăm hecta, trên một chặng có chiều dài khoảng 15 km, của trung lưu sông Đồng Nai, được bao bọc bởi những dãy núi cuối cùng của Trường Sơn Nam. Núi thấp chạy theo hình cánh cung, dọc theo hai bên bờ sông, bao bọc các bãi bồi ven sông, xen kẽ các ngọn núi đất rải rác trên toàn khu vực, tạo cho vùng này một khung cảnh hùng vĩ nhưng lại là một không gian tương đối khép kín so với khung cảnh thiên nhiên toàn vùng Đông Nam Bộ. Trên toàn khu vực đều có các kiến trúc cổ hoặc dấu hiệu của các kiến trúc. Chúng tôi coi đây là một không gian kiến trúc mở. Và ở đây, dòng chảy sông Đồng Nai là chiếc cầu nối không gian mở này ra rộng hơn không gian vốn có của nó – không gian của các quan hệ văn hóa, trao đổi thương mại với thế giới bên ngoài.

Trong lòng không gian mở là một không gian khép có diện tích 24 hécta, có địa thế như một rẻo thung lũng hẹp, được kẹp lại ở hai đầu với hai ngọn núi đất có cao trình 30m và 50m, phần thân thì lượn nhẹ tạo vòng cung bán nguyệt nhỏ ra giữa sông. Không gian này là nơi mà các cuộc khai quật đã làm xuất lộ nhiều công trình kiến trúc có liên kết nhau tạo thành một quần thể thống nhất với nhiều loại địa hình kiến trúc khác nhau.

Chúng tôi cho rằng, đây là một không gian lý tưởng cho một trung tâm chính trị tôn giáo của một cộng đồng dân cư trong một gian đoạn lịch sử nhất định.

II. CÁC LOẠI HÌNH KIẾN TRÚC

Các cuộc khai quật khảo cổ học tại khu di tích Cát Tiên đã làm xuất lộ nhiều dạng hình kiến trúc về cơ bản có thể hệ thống các loại hình kiến trúc tại khu di tích như sau:

- Loại kiến trúc tháp: gồm các kiến trúc 1, kiến trúc 2A, 2B, kiến trúc 4, kiến trúc 6A, 6B, 8A.
- Loại kiến trúc đền tháp: di tích Đức Phổ, kiến trúc 8A.
- Loại kiến trúc mộ: Hố 2.

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ. Việt Nam.

- Loại kiến trúc đài thờ: kiến trúc số 5, số 7.
- Loại kiến trúc “nhà dài” (?): kiến trúc 2C, 2D, 8B, 8C.
- Loại kiến trúc đường nước: H1.

1. Đặc điểm chung của loại hình kiến trúc dạng tháp

Loại hình kiến trúc tháp 1 có bình đồ hình vuông, bề góc ở mặt trước để tạo tiền sảnh và cửa vào, kết cấu tháp rộng và hoành tráng nhưng khá đơn giản. Cũng với bình đồ hình vuông nhưng ở tháp 2A, 2B, 3 lại được bề góc từ ba hướng cũng như hệ thống cửa giả trên mặt tháp và có cả trang trí phần tiếp giáp giữa chân và thân tháp, cũng như mặt tiền tháp với nhiều viên gạch có các motype hoa văn khác nhau đổ xuống trước mặt tháp. Và các chân tháp có nhiều bậc giạt cấp so le nối tiếp nhau tạo hình các chân chuông như kiến trúc 2A, 2B, 3.

Điểm chung của các ngôi tháp này là có kết cấu móng khá vững chắc với một lớp đá lớn như granite, đá phiến biến chất (schiste) như ở kiến trúc số 3, dày 1m 58 và sau đó là hỗn hợp gạch, đá, cát nện chặt. Độ dày mỏng của các tháp luôn đạt độ sâu từ 4 - 5m so với code 0 của sàn gạch trung tâm.

Cửa của các ngôi tháp này đều quay về hướng đông được làm một cách hết sức kiên cố với việc sử dụng các phiến đá basalt, granite hình chữ nhật làm bậc lên xuống, mặt ốp cửa, đà trên dưới. Và chắc rằng, các tháp này khép dần khi lên cao để tạo các mái tháp xây đặc bằng gạch như các tháp Champa.

Lòng tháp hầu như có kết cấu vuông hoặc gần vuông ngay tâm đặt linga – yoni.

Ngay tâm kiến trúc thường xây một hố thờ dạng trụ gạch vuông, thẳng đứng, cao, thấp, rộng, hẹp tùy theo mỗi ngôi tháp. Cao nhất là tháp số 6 với 3 m 10 và rộng nhất là tháp 1 (1m 20 x 1m 20).

2. Đặc điểm riêng

Bề góc ở mặt trước, không có cửa giả ở các mặt còn lại - trường hợp tháp 1.

Bề góc từ cả 4 mặt tháp, có cửa giả trên cả ba mặt và mặt tiền có trang trí hoa văn – trường hợp tháp 2A, 2B, 3.

Riêng hai kiến trúc 6A, 6B được chúng tôi xếp vào loại kiến trúc tháp, nhưng hai kiến trúc này có những đặc điểm rất riêng so với các đặc điểm của các kiến trúc được xếp vào loại này như: lối vào tiền sảnh có cấu trúc dạng hình bán nguyệt.

Mái của kiến trúc này có thể được lợp bằng vật liệu nhẹ phân cách qua hiện tượng các lỗ cột dọc theo hai bên hông kiến trúc 6A. Nhưng với kiến trúc 6B thì không có hiện tượng này, có thể đây là một dạng đền lộ thiên (?) mà việc lý giải nó còn cần có thêm tư liệu.

Trung tâm kiến trúc 6B không đặt linga – yoni đá mà thay vào đó là một linga đá có áo bọc là linga bằng đồng. Hố thờ của 6B cũng có sự khác biệt nhất định so với các kiến trúc đồng dạng khác. Đó là một ô hình vuông nhỏ có kích

thước 40 m x 50 m đặt trực tiếp trên đất tự nhiên. Bên trong đặt 3 hộp gốm có dạng hình linga đặt ở 3 góc. Trong lòng các hộp gốm đặt các loại linga đồng, sắt và có thể bằng ngà (bị phân hủy). Tâm của 3 hộp này đặt một hộp bạc, bên trong có hai linga – 1 bằng vàng và 1 bằng bạc.

3. Kiến trúc dạng đền tháp

Một khuôn viên kiến trúc bao bọc chung quanh có diện tích khoảng 40m x 25m, trước có tháp cổng. Bên trong xây một kiến trúc dạng tháp giống như kiến trúc thuộc khu vực di tích Quảng Ngãi, các bậc lên xuống, đà, mi cửa bằng đá - có gạch trang trí hoa văn. Điểm khác biệt cơ bản của di tích này với các di tích đã khai quật trước đây là kiến trúc này có cả sân trước, sân sau và hành lang hai bên khá rộng. Đây là kết cấu của một loại hình đền tháp.

Loại hình đền tháp còn có kiến trúc 8, có bình đồ hình vuông (6m 50 x 6m 50) với 4 bậc cấp vào lòng tháp bằng đá. Cũng giống như kiến trúc dạng đền tháp Đức Phổ, kiến trúc 8A còn có hành lang hai bên hông, sân trước và lối dẫn vào trung tâm tháp.

Điểm đặc biệt của kiến trúc 8A có nhiều điểm trung gian giữa cụm kiến trúc số 2 và kiến trúc Đức Phổ.

Điểm chung giữa kiến trúc 8 với kiến trúc Đức Phổ là tháp đặt ở trung tâm không gian kiến trúc. Nhưng với cụm kiến trúc số 2 có cả hai tháp song song nhau và hai “nhà dài” nằm đồng trục với hai tháp theo hướng đông tây. Còn cụm kiến trúc số 8 thì tháp ở vị trí trung tâm, còn hai “nhà dài” 8B và 8C nằm hai cánh.

4. Kiến trúc mộ

Loại hình này được xây dựng bằng 3 hình vuông lồng nhau đồng tâm.

Hình vuông 1: 4,2m x 4,2m

Hình vuông 2: 2,8m x 2,8m

Hình vuông 3: tâm kiến trúc có cạnh 1,0m x 1,0m. Xử lý trung tâm kiến trúc này phát hiện một mộ bên trong có xương người, 05 mảnh vàng, nhiều than tro và 01 vò kendi.

5. Kiến trúc dài thờ: kiến trúc số 5, số 7

Loại hình này có kết cấu dạng hình khối vuông với 04 mặt tường phẳng, không có cửa ra vào, không mái. Trung tâm kiến trúc cũng có hình vuông, đặt linga – yoni. Vòi của yoni sẽ nối ống dẫn nước thiêng (Somasutra) để thoát ra ngoài. Somasutra của kiến trúc số 7 có chiều rộng 0,6m, dài 5,76m hạ dần cao độ và ở vòi có hai máng rẽ theo hai hướng đông – tây.

6. Kiến trúc “nhà dài”: kiến trúc 2C và 2D, 8C, 8D

Đây là loại kiến trúc có kết cấu khá đơn giản với móng là loại đất trộn với gạch vụn nện chặt trên diện phân bố rộng. Móng kiến trúc được xây dựng ngay trên lớp này. Bình đồ hình chữ nhật, cũng xuất hiện hiện tượng bề góc, giạt cấp

và cả phong cách choãi chuôi tạo các giao điểm hình chân chuông nhưng có dáng nhỏ và thấp hơn cũng như không hình thành một mảng liên hoàn so le nhau như trong kiến trúc 2A, kiến trúc 3. Ngoài ra các cửa đi vào nội thất đều là cửa giả và không có trên bề mặt tháp. Kiến trúc này cũng được xây khá cao với móng khoảng 2,0m và mảng tường đổ nguyên vị trí đo được khoảng 8,0m. Và dọc hai bên hông kiến trúc và góc đông bắc của kiến trúc 2D phát hiện rất nhiều ngói đổ. Chắc chắn chủ nhân đã sử dụng ngói để lợp mái hoặc ngói để làm máng thoát nước tránh xâm hại vào tường và chân tháp.

Nhìn vào tổng thể gò 2 có thể thấy tính quy hoạch của cụm kiến trúc này theo một trật tự thời gian sau: 2D, 2C sau đó là tháp 2A và 2B cùng với một tường bao bọc cũng như tháp cổng vào tạo được một bố cục cân đối của không gian kiến trúc này. Nhưng nếu đi vào chi tiết thì tính quy hoạch trong cụm tháp này có những bất hợp lý khó được chấp nhận dưới cái nhìn của một nhà thiết kế đương đại:

Đó là việc xây nối thêm kiến trúc 2D cho đủ chiều dài với 2C và lệch hướng nhau khoảng 10^0 giữa 2C và 2D.

Ngoài ra, kiến trúc 8B thuộc gò 8 cũng thuộc loại hình kiến trúc này nhưng điểm khác biệt của 8B với 2C, 2D là không thiết kế cửa đi ở phía đông và không có hiện tượng ngói đổ xuất lộ dọc theo hai bên hông kiến trúc.

7. Kiến trúc hệ thống dẫn nước

Là một đường dẫn nước được xây bằng gạch chạy theo hướng đông - tây, có chiều rộng 1,00m - 1,20m, lòng rộng 0,4m - 0,6m, tường dày 0,30cm.

Con đường dẫn nước khá dài, có khả năng xuyên suốt chiều dọc quần thể di tích Cát Tiên và nó sẽ làm chức năng liên kết, phân phối nước đến các kiến trúc lớn trong khu vực như kiến trúc 5, 7 và xa hơn về phía đông là các kiến trúc 2A, 2B, 2C, 2D, 3, và kiến trúc số 4 lệch về phía bắc.

Giải quyết chức năng của hệ thống dẫn nước này còn nhiều việc phải làm, nhất là việc khai quật toàn bộ bề mặt của khu di tích để hiểu được bằng cách nào con đường này đưa nước vào các khu hành lễ.

III. DI VẬT

Khu di tích Cát Tiên sau nhiều lần khai quật đã có một sưu tầm hiện vật phong phú gồm các loại nổi, vò, bình có vòi (kendi) bằng gốm, các loại linga bằng vàng, bằng bạc, bằng đồng, bằng crystal rock; các mảnh vàng có chạm khắc các loại động vật như ngựa, voi, rùa, bò, cá sấu, rắn... Các loại hoa như hoa sen, hoa chanh... hoặc các biểu tượng vật cầm của các vị thần Visnu, Siva như ốc xoắn, đinh ba, vầng trăng khuyết, bánh xe luân hồi. Các mảnh vàng có chạm khắc hình các vị thần không xác định. Cuối cùng là các mảnh vàng có ký tự Sanacrite thuộc nhánh Brahmi của vùng Nam Ấn Độ.

Trong các cuộc khai quật từ năm 2001-2003, ngoài các loại hiện vật nêu trên, chúng tôi còn phát hiện một số hiện vật mới vừa có giá trị văn hóa vừa có giá trị khoa học để góp phần đưa ra những kiến giải hợp lý về vấn đề niên đại, quan hệ văn hóa, thương mại... Đó là các hiện vật như:

- Hộp bạc có hình sư tử nằm ở trong hố thờ của gò 6A.
- Những hộp đất nung dạng hình linga bên trong có đặt linga bằng vàng, sắt... ở trung tâm gò 6B.
- Hộp bạc bên trong đặt linga vàng, bạc.
- Sưu tầm đồ đồng như cốc chân cao, cốc có núm, gương đồng, chũm chọe... trong gò 8 và Đức Phổ.
- Con dấu bằng đá (?)
- Tượng nữ thần Uma cỡi trâu gắn trên bệ nung và tượng Ganesa.

Ngoài ra, còn phát hiện được khá nhiều đồ gốm gia dụng các loại như nôi, vò, bình có vòi... mà chất liệu loại hình có nhiều đặc điểm gần với gốm sớm thuộc tiền sử Đông Nam Bộ và muộn hơn Óc Eo thuộc giai đoạn sớm. Đặc biệt nhất trong sưu tập đồ gốm là các loại gốm có cổ cao tạo một, hai hoặc ba ngăn nôi, thạp đất nung.

IV. NIÊN ĐẠI VÀ CÁC QUAN HỆ VĂN HÓA

1. Niên đại

Chủ nhân của khu di tích Cát Tiên là một cộng đồng cư dân bản địa tồn tại từ rất sớm qua các vết tích cư trú và đồ gia dụng phát hiện được trong khu vực này, có quan hệ nguồn gốc với các di tích tiền và sơ sử ở Đông Nam Bộ – Việt Nam.

Những nhà khảo cổ học trực tiếp khai quật di tích Cát Tiên hoặc có quan tâm đến di tích này đều cho Cát Tiên nằm trong khung niên đại từ thế kỷ VII-IX sau CN. Nhưng trong cuộc khai quật các năm 2001, 2002, 2003, 2004 với các cuộc khai quật di tích 2C, 2D, Gò 3, Gò 7, kiến trúc 8, kiến trúc 9, kiến trúc 6B, 8A, 8B, 8C... chúng tôi cho rằng, di tích Cát Tiên có niên đại sớm hơn – có thể được khởi đầu từ thế kỷ IV và kết thúc khoảng thế kỷ thứ VIII sau CN.

Cơ sở cho khung niên đại này:

Đồ gốm như nôi, vò, kendi là những đồ gốm thuộc giai đoạn Óc Eo sớm. Đặc biệt còn phát hiện loại chai gốm cổ cao và trên cổ chai có hai hoặc ba ngăn. Loại hình này tìm thấy rất ít ở các di chỉ cư trú thuộc văn hóa Óc Eo, nhưng lại có nhiều trong các di tích Glimanuk, Plawangan (Indonesia) có niên đại từ những thế kỷ đầu Công nguyên. Và chắc rằng, trước khi trở thành một trung tâm tôn giáo của cộng đồng, khu vực có di tích kiến trúc đã từng là một khu vực cư trú và sự chuyển dịch chức năng khu vực này từ cư trú sang trung tâm tôn giáo là sự chuyển dịch tiệm tiến mà tư liệu để lại là không ít các loại hình đồ gốm gia dụng được phát hiện ở ngoại vi các đền tháp. Và niên đại của các di tích cư trú ở đây có thể có khởi điểm sớm hơn mà tín hiệu tìm thấy trên gốm gia dụng có một số đặc điểm của đồ gốm tiền sử ở miền Đông Nam Bộ. Bên cạnh đó, trong cuộc khai quật năm 2001, chúng tôi đã phân tích hai mẫu than ở hai lòng tháp 2C và 2D ở độ sâu 2,70m - 2,90m với kết quả $1650 \pm 90BP$ của tháp 2D và $1490 \pm 55BP$ của tháp 2C.

Trong cuộc khai quật năm 2003, trong di tích kiến trúc mộ táng (H2) đã phát hiện trong chum nhiều than, cùng với một mẫu than phân tích ở cơ sở hạt nhân

– Trung tâm hạt nhân thành phố Hồ Chí Minh và phòng C14 của Viện Khảo cổ học Hà Nội đã đưa ra hai kết quả mà sai số là rất nhỏ: $1600 \pm 120\text{BP}$ (thành phố Hồ Chí Minh) và $1660 \pm 85\text{BP}$ (Hà Nội) và một mẫu ở vị trí đường nước có tuổi $1450 \pm 90\text{BP}$.

Trong cuộc khai quật cuối năm 2003 đầu năm 2004, chúng tôi đã phân tích mẫu than ở các vị trí khác nhau:

- Mẫu 1 ở kiến trúc Gò 8B, độ sâu 0,6m - 0,8m cho kết quả $1730 \pm 55\text{BP}$ do phòng C14 của Viện Khảo cổ học Hà Nội thực hiện.

- Mẫu 2 ở kiến trúc Gò 8B, lấy ở độ sâu 1,8m cho kết quả $1680 \pm 60\text{BP}$ do phòng C14 của Viện Khảo cổ học Hà Nội thực hiện.

Kết quả này cũng có những bất hợp lý của nó, đó là niên đại của mẫu 1 sớm hơn mẫu 2, trong khi mẫu 2 nằm ở vị trí sâu hơn. Có thể có một sơ suất nào đó trong quá trình lấy mẫu, những sai số của hai mẫu là không đáng kể. Cũng mẫu số 2 lấy ở độ sâu 1m80, Trung tâm hạt nhân thành phố Hồ Chí Minh cho kết quả $1690 \pm 70\text{BP}$. Sai số từ hai đơn vị phân tích mẫu C14 trên cùng một mẫu thân là không đáng kể.

Trong cuộc khai quật này, một mẫu than lấy từ hố thám sát số 10, ở độ sâu 1,2m, Trung tâm hạt nhân thành phố Hồ Chí Minh cho kết quả $1590 \pm 60\text{BP}$.

Ngoài ra trong các cuộc khai quật gần đây còn phát hiện những hiện vật đặc biệt như hộp bằng bạc có hình sư tử có khả năng được du nhập từ Ba Tư hoặc các hiện vật bằng đồng như các vòng đồng có núm, cốc chân cao, ly... có thể có nguồn gốc từ văn hóa Kusana (Trung Á). Đó là những minh chứng cho niên đại sớm của quần thể di tích Cát Tiên.

Vấn đề niên đại của di tích Cát Tiên còn biểu hiện qua các loại hình kiến trúc mà hầu hết đều thấy có kết cấu hoành tráng nhưng giản dị, chứ không cầu kỳ phức tạp như các tháp sau này thuộc vương triều Champa. Bên cạnh đó, các cấu kiện nền móng cho các tháp là tương đối vững chắc, trong khi đó tường các kiến trúc cao, nhưng độ dày của tường thì khá mỏng, trừ kiến trúc 1 có chiều dày 2,0m các kiến trúc khác chỉ chừng 1,4m - 1,6m.

Cùng với các kết cấu không đạt trình độ hoàn thiện như không đồng trục, như phải xây thêm độ dài cho kiến trúc 2D, cho thấy kinh nghiệm về quy hoạch kiến trúc lẫn kinh nghiệm trong tạo độ bền trong kết cấu kiến trúc của chủ nhân khu di tích Cát Tiên còn yếu.

Hệ quả của việc thiếu kinh nghiệm trên đã dẫn đến việc làm cho các di tích kiến trúc ở khu vực Cát Tiên nhanh chóng trở thành phế tích hơn các kiến trúc khác thuộc văn hóa Champa. Và đó cũng là yếu tố minh chứng thêm cho yếu tố sớm của quần thể di tích Cát Tiên mà niên đại khởi điểm nêu trên theo chúng tôi là hợp lý.

Ngoài ra trong lòng các tháp ở di tích Cát Tiên đều có những hố thờ (presen) mà kết cấu không khác với các hố thờ tìm thấy trong các kiến trúc gạch ở Đá Nổi (An Giang), Nền Chùa (Kiên Giang), Gò Tháp (Đồng Tháp)...

cùng với những lá vàng có trang trí hoa sen, hình đinh ba, con ốc, chữ viết các vị thần bằng kỹ thuật dập nổi hoặc khắc miết, phần nào đó gợi lên tính chất đồng thời của hai vùng văn hóa này: Óc Eo và Cát Tiên.

Ngoài những yếu tố sớm vừa nêu, trong quần thể kiến trúc Cát Tiên còn có những yếu tố muộn. Đó là các hoa văn trang trí hình các bông sen và hoa sen trên tấm mi cửa tháp 2A. Có nhiều người liên hệ kiểu trang trí này với kiểu trang trí trên tháp Sambor PreiKuk, Prei Khmeng (Campuchia).

Ngoài ra trong cuộc khai quật năm 2003, chúng tôi còn phát hiện hai tượng đá tại kiến trúc số 8 – một tượng thần Ganesa có niên đại khoảng thế kỷ VIII sau CN và một tượng thần Uma được đặt trong tư thế đứng thẳng, trên một bệ hình vuông bằng đất nung có cùng niên đại với tượng Ganesa trên.

Còn về trật tự sớm muộn của các loại hình kiến trúc trong quần thể kiến trúc Cát Tiên chúng tôi chỉ có thể vạch lên một quá trình ba giai đoạn từ kết cấu xây dựng, hiện vật cũng như tham khảo kết quả niên đại C14 như sau:

Giai đoạn I: gồm kiến trúc 6A, 6B, kiến trúc mộ H2

Giai đoạn II: gồm các kiến trúc 2C, 2D, 1, Đức Phổ, 4, 5, 7.

Giai đoạn III: gồm các kiến trúc 2A, 2B, 3, 8A, 8B.

Việc phân định giai đoạn cho các loại hình kiến trúc của quần thể Cát Tiên nêu trên cũng chỉ là bước đầu. Chúng tôi cho rằng, vấn đề này khá phức tạp, đòi hỏi phải có thời gian xử lý tư liệu và đối sánh với các tài liệu của các trung tâm kiến trúc cổ khác trong khu vực.

Cũng trong cuộc khai quật 2003 còn phát hiện được một đồng tiền *Nguyen Phong Thông Bảo* thuộc thời Tống thế kỷ X – XII và một vòng đồng có trang trí hoa văn dọc sống, tiết diện ngang hình bầu dục dẹt ở gò 8C - đây là loại vòng tay được phát hiện nhiều trong các di tích gốm sứ thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Cả hai hiện vật phản ánh niên đại muộn của quần thể di tích Cát Tiên đều thuộc vào lớp đất xáo trộn và không phải là một tập hợp đa số. Và chắc chắn những phát hiện này không làm thay đổi nhận thức của chúng tôi về niên đại quần thể di tích này.

Trong các báo cáo khoa học trước và ngay trong hội thảo năm 2001, hầu hết các nhà khoa học đều cho rằng: Cát Tiên có khung niên đại từ thế kỷ VIII – X sau CN (Tổng kết hội thảo Cát Tiên 2001).

Thừa hưởng những kết quả khai quật của các đồng nghiệp trong các cuộc khai quật trước đó từ năm 1995-1997, cùng với các kết quả trong các cuộc khai quật sau này.

Tư liệu mới đã giúp cho chúng tôi một nhận thức khác trước về khung niên đại của khu di tích Cát Tiên có thể từ thế kỷ IV – VIII sau CN. Và dĩ nhiên, đây chưa phải là kết luận cuối cùng vì Cát Tiên vẫn còn ẩn chứa nhiều tiềm năng tư liệu mà việc tiếp tục nghiên cứu nó để xác tín các kiến giải này là công việc của phía trước. Kết quả nghiên cứu trên đã góp phần nâng giá trị khoa học, giá trị văn hóa của khu di tích này. Tư liệu khai quật được trong khu di tích Cát Tiên

cùng với tư liệu khai quật được của Văn hóa Óc Eo sẽ góp phần giải quyết những vấn đề đặt ra cho cổ sử của Việt Nam nói riêng và của Đông Nam Á nói chung.

2. Các quan hệ văn hóa

Khu di tích Cát Tiên có nhiều loại hình kiến trúc khác nhau như tháp, đền tháp, đài thờ, mộ táng, đường nước... trong khi đó các kiến trúc thuộc văn hóa Óc Eo đều được các nhà nghiên cứu xếp vào loại hình đền thờ – một cách gọi chung cho các kiến trúc tôn giáo cổ có ảnh hưởng văn minh Ấn Độ mà không thể xác lập được các loại hình cho riêng nó, nguyên nhân là các di tích ở đây bị tàn phá nặng nề. Do đó, những nét tương đồng từ hai vùng văn hóa này chỉ có thể so sánh được trên bình đồ của mỗi kiến trúc mà trong đó các loại bình đồ vuông, bình đồ chữ nhật bẻ góc trước... Bên cạnh đó là những hiện vật thu được như bình vò gốm có vòi, các mảnh vàng có dập nổi hoa văn, khắc chìm các vị thần, động thực vật, chữ viết hoặc các bộ linga – yoni bằng đá – tô đậm hơn mối quan hệ văn hóa này.

Còn đối với các di tích thuộc văn hóa Champa, các vết tích kiến trúc của khu di tích Cát Tiên cũng chỉ tương đồng nhau về các bình đồ kiến trúc, hướng kiến trúc, kỹ thuật xây dựng.

Quần thể di tích Cát Tiên vẫn có nhiều nét riêng so với văn hóa Óc Eo mà ở các phần di tích di vật, chúng tôi đã trình bày thông qua các loại hình kiến trúc, qua các hiện vật lần đầu tiên được khảo cổ học phát hiện như sưu tập đồ đồng các loại, linga nhiều chất liệu khác nhau, hiện vật đá, đồng, gốm, hộp bạc hình sư tử, con dấu... Bên cạnh đó, ở Cát Tiên có những cụm kiến trúc liên hoàn nhau như cụm kiến trúc gò 2 với hai tháp đồng trục với hai kiến trúc bình đồ hình chữ nhật “nhà dài”, tháp cổng, nằm trong một khuôn viên có tường bao bọc xung quanh với các cửa ra vào, hành lang và các ngã rẽ. Cùng cấu trúc này còn có cụm kiến trúc gò 8 với hai “nhà dài” nằm kẹp bên có cả tường bao như của cụm kiến trúc gò 2. Nhìn chung ở khu di tích Cát Tiên có nhiều loại hình kiến trúc cũng như có cả các cụm kiến trúc không tìm thấy tính đồng dạng so với các kiến trúc đã từng biết thuộc văn hóa Champa và Óc Eo.

Ngoài ra, những tư liệu như hộp bạc sưu tập đồ đồng các loại, đồ trang sức bằng đá quý, agate, cornelian có khả năng được du nhập từ Ấn Độ, Iran hoặc Kasana. Điều đó cho thấy, khu di tích Cát Tiên cũng nằm trong mạng lưới thương mại Đông – Tây, phát triển khá mạnh vào thế kỷ III – IV, với vị trí tiền cảng Óc Eo. Và có thể, cũng như Óc Eo, quần thể di tích Cát Tiên dần dần đi vào suy thoái khi con đường thương mại Đông – Tây chuyển dịch vị trí từ Óc Eo qua vùng biển Malacca ở phía Nam bán đảo Mãlai từ cuối thế kỷ V trở về sau.

Trên đây là những nhận thức bước đầu về di tích khảo cổ học Cát Tiên trên nền tư liệu từ chương trình nghiên cứu trong hai năm 2002-2003. Tư liệu khảo cổ học chỉ mới được đưa lên khỏi lòng đất, nhiều vết tích văn hóa vẫn còn nằm trong lòng đất, việc giải mã những vấn đề khoa học đặt ra từ khu di tích này vẫn còn phải tiếp tục nghiên cứu. Tầm vóc và giá trị khoa học của khu di tích Cát Tiên và thời gian đầu tư nghiên cứu nó là chưa tương thích. Do đó, những nhận thức trên đây cũng chỉ là những gợi mở, những giả thiết khoa học.